

令和 2 年 9 月

南空知公衆衛生組合一般廃棄物最終処分場汚水処理施設月報

設置主体名	南空知公衆衛生組合	処理方法	生物処理
設置名	浸出水処理施設	処理能力	60t/日
技術管理者名	湯 浅 敏 晴	放流水の有無	有

項目	水量	P H	透視度	温度	備考
原水流量	46.5 t	7.74	14.4 cm	20.9 °C	
放流水量	46.7 t	7.85	50.0 cm	20.9 °C	

(平均値=別紙調査表による)

項目	電灯使用量	動力使用量	水道使用量	備考
月間使用量	294 KWH	3,469 KWH	6.59 t	
日平均使用量	9.5 KWH	111.9 KWH	0.21 t	

項目	一次破碎不燃	二次破碎不燃	破碎不適物	焼却残渣	ビン・缶残渣	プラ残渣
月計	7台: 3.90t	20台: 30.12t	33台: 23.58t	9台: 25.89t	1台: 1.86t	
前月累計	33台: 18.46t	172台: 253.55t	218台: 132.72t	56台: 164.25t	6台: 13.18t	
年度計	40台: 22.36t	192台: 283.67t	251台: 156.30t	65台: 190.14t	7台: 15.04t	

小 計	
月計	70台: 85.35 t
前月累計	485台: 582.16 t
年度計	555台: 667.51 t

項目	脱水ケーキ量	合計(ケーキ量含)
月計	0.24 t	70台: 85.59 t
前月累計	1.22 t	485台: 583.38 t
年度計	1.46 t	555台: 668.97 t

項目	覆土運搬状況	埋立量
月計	13台	213 m ³
前月累計	128台	1,455 m ³
年度計	141台	1,669 m ³

項目	日
搬入日数	20
日平均搬入数量	4.27 t

月	ごみ埋立量	搬入台数	薬品名	使用量
4	116.83 t	99台	スケール分散剤	20.00 kg
5	128.30 t	116台	凝集剤 パック	100.00 kg
6	119.77 t	103台	凝集助剤 ポリマ	0.80 kg
7	107.31 t	86台	固形塩素剤	3.00 kg
8	111.17 t	81台	脱水助剤 104	1.00 kg
9	85.59 t	70台	脱水助剤 94b	kg
10	t	台	アワゼロン	kg
11	t	台	清 缶 剤	kg
12	t	台	並 塩	kg
1	t	台	リ ン 酸	kg
2	t	台	保護 マット	枚
3	t	台	汚 泥 量	2.50 m ³
			脱水ケーキ量	0.24 t
計	668.97 t	555台	脱水機運転時間	3:30 H

日	天候	10時気温	最高気温	最低気温
1	晴/曇	19 °C	24 °C	15 °C
2	晴	23 °C	27 °C	15 °C
3	晴	25 °C	29 °C	20 °C
4	曇	24 °C	28 °C	20 °C
5		°C	°C	°C
6		°C	°C	°C
7	晴	25 °C	29 °C	20 °C
8	晴	25 °C	31 °C	22 °C
9	晴	27 °C	31 °C	21 °C
10	曇	20 °C	25 °C	18 °C
11	曇	20 °C	24 °C	18 °C
12		°C	°C	°C
13		°C	°C	°C
14	曇	15 °C	22 °C	12 °C
15	曇	19 °C	22 °C	13 °C
16	曇	20 °C	24 °C	16 °C
17	曇	21 °C	25 °C	16 °C
18	曇/雨	19 °C	25 °C	17 °C
19		°C	°C	°C
20		°C	°C	°C
21		°C	°C	°C
22		°C	°C	°C
23	晴	18 °C	22 °C	11 °C
24	晴	19 °C	22 °C	13 °C
25	晴/曇	15 °C	25 °C	10 °C
26		°C	°C	°C
27		°C	°C	°C
28	晴	15 °C	17 °C	10 °C
29	晴	14 °C	21 °C	7 °C
30	晴	17 °C	21 °C	9 °C